

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ VIỆT TRUNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ VIỆT TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET TRUNG ELECTRONICS DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET TRUNG ELECTRONICS DEVELOPMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110745950

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thượng, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật;<br>Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;<br>Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin;<br>Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu;<br>Đào tạo công nghệ thông tin;<br>Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin;<br>Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm;<br>Dịch vụ tư vấn xây dựng dự án phần mềm;<br>Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>Dịch vụ tích hợp hệ thống;<br>Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;<br>Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm. | 6209     |
| 2.  | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5820     |
| 3.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311     |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410     |

|     |                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán) | 7490        |
| 6.  | Cổng thông tin<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)                                                                                                            | 6312        |
| 7.  | Quảng cáo<br>(Trừ hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)                                                                                                          | 7310        |
| 8.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                       | 7320        |
| 9.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                              | 2610        |
| 10. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                               | 2620        |
| 11. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                          | 2630        |
| 12. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                          | 3312        |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                     | 4651        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                         | 4652        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                           | 4659        |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4741        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                  | 4742        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                           | 6399        |
| 19. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                               | 9511        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                              | 9512        |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                   | 6201(Chính) |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                     | 6202        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.300.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VIỆT TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/12/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027088011912

Ngày cấp: 20/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 18, Khu 5, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 18, Khu 5, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027088011912

Ngày cấp: 20/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 18, Khu 5, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 18, Khu 5, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội